

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1109* /QĐ-ĐHKQTQD

Hà Nội, ngày *22* tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành mẫu bằng Cử nhân, mẫu bằng Thạc sĩ,
mẫu bằng Tiến sĩ, mẫu Chứng chỉ và phụ lục văn bằng tương ứng của Trường
Đại học Kinh tế Quốc dân

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 17/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân giai đoạn 2015-2017;

Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10 năm 2017;

Căn cứ Thông tư 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư 27/2019/TT-BGDĐT ngày 30/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định nội dung chính ghi trên văn bằng và phụ lục văn bằng giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1108/QĐ-ĐHKQTQD ngày 22/5/2020 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế Quản lý văn bằng, chứng chỉ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này mẫu bằng Cử nhân, mẫu bằng Thạc sĩ, mẫu bằng Tiến sĩ, mẫu chứng chỉ và mẫu phụ lục văn bằng tương ứng của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, cụ thể như sau:

I. Mẫu văn bằng:

1.1. Bằng Cử nhân gồm 4 (bốn) trang, mỗi trang có kích thước 14,5cm x 21cm.

Trang 1 và trang 4 có nền màu đỏ huyết dụ; trang 1 có dòng chữ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Độc lập - Tự do - Hạnh phúc; có hình Quốc huy và tên văn bằng tương ứng. Các chữ in trên trang 1 có màu vàng; trang 2 và trang 3 có nền màu cam nhạt, hoa văn lưới, khung viền hoa văn màu cam đậm; tên bằng Cử nhân bằng tiếng Việt và tiếng Anh có màu đỏ, các chữ khác có màu đen, hình logo của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân in chìm chính giữa trang 2, hình Quốc huy in chìm chính giữa trang 3. Mẫu bằng Cử nhân ban hành kèm theo tại phụ lục 1; Cách ghi nội dung trên bằng Cử nhân quy định tại phụ lục 2 kèm theo Quyết định này.

1.2. Bằng Thạc sĩ gồm 4 (bốn) trang, mỗi trang có kích thước 18cm x 26cm.

Trang 1 và trang 4 có nền màu đỏ huyết dụ; trang 1 có dòng chữ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Độc lập - Tự do - Hạnh phúc; có hình Quốc huy và tên văn bằng tương ứng. Các chữ in trên trang 1 có màu vàng; trang 2 và trang 3 có nền màu vàng nhạt, hoa văn lưới, khung viền hoa văn màu nâu nhạt; tên bằng Thạc sĩ bằng tiếng Việt và tiếng Anh có màu đỏ, các chữ khác có màu đen, hình logo của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân in chìm chính giữa trang 2, hình Quốc huy in chìm chính giữa trang 3. Mẫu bằng Thạc sĩ ban hành kèm theo tại phụ lục 5; Cách ghi nội dung trên bằng Thạc sĩ quy định tại phụ lục 6 kèm theo Quyết định này.

1.3. Bằng Tiến sĩ gồm 4 (bốn) trang, mỗi trang có kích thước 21cm x 29cm.

Trang 1 và trang 4 có nền màu đỏ huyết dụ; trang 1 có dòng chữ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Độc lập - Tự do - Hạnh phúc; có hình Quốc huy và tên văn bằng tương ứng. Các chữ in trên trang 1 có màu vàng; trang 2 và trang 3 có nền màu vàng nhạt, hoa văn lưới, khung viền hoa văn màu nâu nhạt; tên bằng Tiến sĩ bằng tiếng Việt và tiếng Anh có màu đỏ, các chữ khác có màu đen, hình logo của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân in chìm chính giữa trang 2, hình Quốc huy in chìm chính giữa trang 3. Mẫu bằng Tiến sĩ ban hành kèm theo tại phụ lục 9; Cách ghi nội dung trên bằng Tiến sĩ quy định tại phụ lục 10 kèm theo Quyết định này.

II. Mẫu Phụ lục văn bằng

2.1. Mẫu Phụ lục bằng Cử nhân

Phụ lục bằng Cử nhân gồm 2 (hai) trang, có kích thước 21,0cm x 29,7cm. Trang 1, trang 2 có màu vàng nhạt, hoa văn lưới, hình logo của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân in chìm chính giữa 2 trang. Dòng chữ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân bằng tiếng Việt và tiếng Anh được in sẵn và có màu xanh. Mẫu Phụ lục bằng Cử nhân ban hành kèm theo tại phụ lục 3; Cách ghi nội dung trên Phụ lục bằng Cử nhân quy định tại phụ lục 4 kèm theo Quyết định này.

2.2. Mẫu Phụ lục bằng Thạc sĩ

Phụ lục bằng Thạc sĩ gồm 2 (hai) trang, có kích thước 21,0cm x 29,7cm. Trang 1, trang 2 có màu vàng nhạt. Trang 1 có dòng chữ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Độc lập - Tự do - Hạnh phúc; có hình logo của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và tên phụ lục văn bằng tương ứng. Các chữ trên trang 1 được in sẵn và có màu xanh; Trang 2 có hoa văn lưới, hình logo của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân in chìm chính giữa 2 trang. Mẫu Phụ

lục bằng Thạc sĩ ban hành kèm theo tại phụ lục 7; Cách ghi nội dung trên Phụ lục bằng Thạc sĩ quy định tại phụ lục 8 kèm theo Quyết định này.

2.3. Mẫu Phụ lục bằng Tiến sĩ

Phụ lục bằng Tiến sĩ gồm 2 (hai) trang, có kích thước 21,0cm x 29,7cm. Trang 1, trang 2 có màu vàng nhạt. Trang 1 có dòng chữ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Độc lập - Tự do - Hạnh phúc; có hình logo của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và tên phụ lục văn bằng tương ứng. Các chữ trên trang 1 được in sẵn và có màu xanh; Trang 2 có hoa văn lưới, hình logo của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân in chìm chính giữa 2 trang. Mẫu Phụ lục bằng Tiến sĩ ban hành kèm theo tại phụ lục 11; Cách ghi nội dung trên Phụ lục bằng Tiến sĩ quy định tại phụ lục 12 kèm theo Quyết định này.

III. Mẫu chứng chỉ

Chứng chỉ gồm 2 (hai) trang, có kích thước 14,5cm x 21cm. Trong đó:

3.1. Mẫu chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản

Trang 1 có nền màu đỏ cờ, có dòng chữ Bộ Giáo dục và Đào tạo, hình Quốc huy, dòng chữ chứng chỉ và tên chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc ngoại ngữ màu vàng. Trang 2 có nền màu cam nhạt, hoa văn lưới, khung viền hoa văn màu cam đậm; tên loại chứng chỉ bằng tiếng Việt có màu đỏ, các chữ khác có màu đen, hình hoa văn trống đồng in chìm chính giữa trang 2. Mẫu Chứng chỉ ban hành kèm theo tại phụ lục 13; Cách ghi nội dung trên Chứng chỉ quy định tại phụ lục 14 kèm theo Quyết định này.

3.2. Mẫu chứng chỉ dùng chung khác

Trang 1 có nền màu đỏ cờ, có dòng chữ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, hình Quốc huy, dòng chữ chứng chỉ màu vàng. Trang 2 có nền màu cam nhạt, hoa văn lưới, khung viền hoa văn màu cam đậm; tên loại chứng chỉ bằng tiếng Việt có màu đỏ, các chữ khác có màu đen, hình hoa văn trống đồng in chìm chính giữa trang 2. Mẫu Chứng chỉ khác ban hành kèm theo tại phụ lục 15; Cách ghi nội dung trên Chứng chỉ khác quy định tại phụ lục 16 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng: Tổng hợp, Thanh tra - Pháp chế, Tổ chức Cán bộ, Tài chính - Kế toán, Trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *PH*

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Hội đồng trường;
- Như điều 3;
- Lưu: P.TH.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Phạm Hồng Chương

Phụ lục 1: MẪU BẰNG CỬ NHÂN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1109/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

Trang 4

Trang 1

	<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <p style="text-align: center;">Quốc huy</p> <p style="text-align: center;">BẰNG CỬ NHÂN</p>
--	--

Trang 2

Trang 3

<p>THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Independence - Freedom - Happiness</p> <p style="text-align: center;">THE PRESIDENT OF NATIONAL ECONOMICS UNIVERSITY</p> <p style="text-align: center;">confers</p> <p style="text-align: center;">THE DEGREE OF BACHELOR⁽⁸⁾</p> <p>Upon:⁽⁹⁾</p> <p>Date of birth: ⁽¹⁰⁾</p> <p>Degree classification: ⁽¹¹⁾</p> <p style="text-align: center;">Given under the seal of NATIONAL ECONOMICS UNIVERSITY</p> <p>Reg. No: ⁽⁷⁾ No: ⁽¹²⁾</p>	<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <p style="text-align: center;">HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN</p> <p style="text-align: center;">Cấp</p> <p style="text-align: center;">BẰNG CỬ NHÂN⁽¹⁾</p> <p>Cho: ⁽²⁾</p> <p>Ngày sinh: ⁽³⁾</p> <p>Xếp hạng tốt nghiệp: ⁽⁴⁾</p> <p style="text-align: right;">Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...⁽⁵⁾</p> <p style="text-align: center;">HIỆU TRƯỞNG⁽⁶⁾</p> <p>Số vào sổ gốc cấp bằng: ⁽⁷⁾</p>
--	--

Phụ lục 2: Cách ghi nội dung trên bằng Cử nhân

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1109/QĐ-ĐHKTQD ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

(1) Ghi tên ngành đào tạo mà người được cấp bằng đã theo học bằng tiếng Việt. Sử dụng phông chữ Unicode: Times New Roman, cỡ chữ 16, loại chữ in hoa, kiểu chữ đứng.

(2) Ghi rõ họ tên của người học, theo giấy khai sinh. Phía trước họ tên, nếu là Nam ghi “Ông”, nếu là Nữ ghi “Bà”. Sử dụng phông chữ Unicode: Times New Roman, cỡ chữ 16, loại chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm.

(3) Ghi ngày, tháng, năm sinh theo giấy khai sinh. Nếu ngày sinh là ngày 1 đến ngày 9, tháng sinh là tháng 1, tháng 2 thì thêm số 0 ở trước; ghi năm sinh đầy đủ 04 chữ số (Ví dụ: 09/02/1999). Sử dụng phông chữ Unicode: Times New Roman, cỡ chữ 14, loại chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm.

(4) Ghi xếp loại tốt nghiệp. Sử dụng phông chữ Unicode: Times New Roman, cỡ chữ 14, loại chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm.

(5) Ghi ngày, tháng, năm cấp văn bằng. Sử dụng phông chữ Unicode: Times New Roman, cỡ chữ 14, loại chữ in thường, kiểu chữ nghiêng.

(6) Hiệu trưởng ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu theo quy định. Sử dụng phông chữ Unicode: Times New Roman, cỡ chữ 14, loại chữ in thường, kiểu chữ đứng đậm. Riêng chữ Hiệu trưởng sử dụng chữ in hoa.

(7) Số vào sổ cấp bằng: là số do các đơn vị đào tạo: (Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Đại học tại chức, Trung tâm Đào tạo Từ xa....) ghi vào sổ cấp bằng Cử nhân. Sử dụng phông chữ Unicode: Times New Roman, cỡ chữ 13, loại chữ in thường, kiểu chữ đứng.

(8) Ghi tên ngành đào tạo mà người được cấp bằng đã theo học, bằng tiếng Anh. Sử dụng giới từ “in” trước tên ngành (Ví dụ: in Accounting). Sử dụng phông chữ, cỡ chữ, loại chữ, kiểu chữ như mục 1.

(9) Ghi họ tên của người học như đã ghi ở mục (2) bằng tiếng Việt nhưng không có dấu. Phía trước họ tên, nếu là Nam ghi “Mr”, nếu là nữ ghi “Ms” hoặc “Mrs”. Sử dụng phông chữ, cỡ chữ, loại chữ, kiểu chữ như mục 2.

(10) Ghi ngày và năm bằng số, ghi tháng bằng chữ tiếng Anh. Nếu ngày sinh là ngày 1 đến ngày 9 thì thêm số 0 ở trước, ghi năm sinh đầy đủ 04 chữ số (Ví dụ: 09/02/1999 - February 09, 1999). Sử dụng phông chữ, cỡ chữ, loại chữ, kiểu chữ như mục 3.

(11) Ghi như mục (4) và sử dụng phông chữ, cỡ chữ, loại chữ, kiểu chữ như mục 4.

(12) Số hiệu: là số do đơn vị in phôi bằng đóng số khi cấp phôi.

Ghi chú: Nếu người được cấp văn bằng là người nước ngoài thì các thông tin tại mục (2),(3),(9),(10) ghi theo hộ chiếu.

Phụ lục 3: Mẫu Phụ lục bằng Cử nhân

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1109/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO / MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN / NATIONAL ECONOMICS UNIVERSITY

BẢNG ĐIỂM ACADEMIC TRANSCRIPT

Họ và tên / Fullname: Ngày nhập học / Enrollment Date:
Ngày sinh / Date of birth: Ngày tốt nghiệp / Graduation Date:
Mã sinh viên / Student No: Số hiệu văn bằng / Reg. No: **CQ/2020/01/1234**
Trình độ đào tạo / Level of education: **Cử nhân / Bachelor** Hình thức đào tạo/ Student Type: **Chính quy / Full-time**
Ngôn ngữ đào tạo / Language: **Tiếng Việt / Vietnamese**
Ngành / Major:
Chuyên ngành / Specialisation:

STT / No	HỌC PHẦN / COURSE TITLE	Số tín chỉ / Credit	Điểm / Grade	
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 (*) Basic Principles of Marxism-Leninism 1	2 (*)	6.1 (*)	C (*)
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2 (*) Basic Principles of Marxism-Leninism 2	3 (*)	7.0 (*)	B (*)
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh (*) Ho Chi Minh Ideology	2 (*)	4.6 (*)	D (*)
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (*) Political revolution roadmap of the Communist Party of Vietnam	3 (*)	5.0 (*)	D (*)
5	Ngoại ngữ 2.1 (Pháp/Trung) / Second Foreign Language 1 (French/Chinese)	3	8.8	A
6	Ngoại ngữ 2.2 (Pháp/Trung) / Second Foreign Language 2 (French/Chinese)	3	9.0	A
7	Ngoại ngữ 2.3 (Pháp/Trung) / Second Foreign Language 3 (French/Chinese)	3	8.2	B
8	Toán cho các nhà kinh tế 1 / Mathematics for Economics 1	2	5.9	C
9	Toán cho các nhà kinh tế 2 / Mathematics for Economics 2	3	6.5	C
10	Pháp luật đại cương / Fundamentals of Laws	2	8.1	B
11	Tin học đại cương / Basic Informatics	3	7.4	B
12	Cơ sở văn hóa Việt nam / Vietnamese Culture	2	7.6	B
13	Dẫn luận ngôn ngữ / Introduction to Linguistics	2	6.6	C
14	Tiếng Việt cơ sở 1 / Vietnamese Language 1	2	7.2	B
15	Kinh tế vi mô 1 / Microeconomics 1	3	8.6	A
16	Kinh tế vĩ mô 1 / Macroeconomics 1	3	8.2	B
17	Quản lý học 1 / Essentials of Management 1	3	9.0	A
18	Quản trị kinh doanh 1 / Business Management 1	3	7.3	B
19	Ngữ âm thực hành / Pronunciation	2	7.8	B
20	Ngữ âm - âm vị học / Phonetics and Phonology	2	7.0	B
21	Từ vựng học / Lexicology	2	8.1	B
22	Ngữ pháp 1 / English Grammar 1	2	8.1	B
23	Tiếng Anh Cơ bản 1 - Nghe / English - Listening Skills 1	2	8.7	A

24	Tiếng Anh Cơ bản 2 - Nghe / English - Listening Skills 2	2	8.3	B
25	Tiếng Anh Cơ bản 3 - Nghe / English - Listening Skills 3	2	9.5	A
26	Tiếng Anh Cơ bản 1 - Nói / English - Speaking Skills 1	2	8.0	B
27	Tiếng Anh Cơ bản 2 - Nói / English - Speaking Skills 2	2	7.9	B
28	Tiếng Anh Cơ bản 3 - Nói / English - Speaking Skills 3	2	8.5	A
29	Tiếng Anh Cơ bản 1 - Đọc / English - Reading Skills 1	2	9.7	A
30	Tiếng Anh Cơ bản 2 - Đọc / English - Reading Skills 2	2	8.0	B
31	Tiếng Anh Cơ bản 3 - Đọc / English - Reading Skills 3	2	9.3	A
32	Tiếng Anh Cơ bản 1 - Viết / English - Writing Skills 1	2	8.2	B
33	Tiếng Anh Cơ bản 2 - Viết / English - Writing Skills 2	2	8.6	A
34	Tiếng Anh Cơ bản 3 - Viết / English - Writing Skills 3	2	7.0	B
35	Tiếng Anh Cơ bản 1 - Thực hành tổng hợp / English - Integrated Skills 1	4	9.0	A
36	Tiếng Anh Cơ bản 2 - Thực hành tổng hợp / English - Integrated Skills 2	4	7.0	B
37	Tiếng Anh Cơ bản 3 - Thực hành tổng hợp / English - Integrated Skills 3	4	7.6	B
38	Tiếng Anh Cơ bản 4 - Thực hành tổng hợp / English - Integrated Skills 4	3	8.1	B
39	Lịch sử văn minh thế giới / History of World Civilization	2	8.1	B
40	Phân tích diễn ngôn / Discourse Analysis	2	7.5	B
41	Tiếng Anh Học thuật - Nghe - Nói / Academic English - Listening and Speaking	3	7.8	B
42	Tiếng Anh Học thuật - Đọc - Viết / Academic English - Reading and Writing	3	8.4	B
43	Chuyên đề Tài chính - Ngân hàng - E / English for Banking and Finance	2	8.4	B
44	Chuyên đề Kinh doanh Quốc tế - E / English for International Business	2	7.5	B
45	Chuyên đề Giao tiếp Kinh doanh - E / Business Communication in English	2	7.8	B
46	Thực hành Biên dịch 1 / Translation 1	2	6.9	C
47	Thực hành Biên dịch 2 / Translation 2	2	6.7	C
48	Thực hành Phiên dịch 1 / Interpretation 1	2	7.1	B
49	Thực hành Phiên dịch 2 / Interpretation 2	2	7.2	B
50	Thực hành Biên dịch 3 / Translation 3	2	8.1	B
51	Văn hóa Anh - Mỹ / Culture of English Speaking Countries	2	8.1	B
52	Lý thuyết tài chính tiền tệ 1 / Monetary and Financial Theories 1	3	7.9	B
53	Marketing căn bản - E / Principles of Marketing- in English	3	8.9	A
54	Nguyên lý kế toán / Accounting Principles	3	8.3	B
55	Xã hội học / Sociology	2	8.0	B
56	Quản trị tài chính / Financial Management	2	7.4	B
57	Chuyên đề thực tập - Tiếng Anh thương mại / Final Dissertation	10	9.0	A
58	Tổng số tín chỉ tích lũy/Total credits	145	GPA: 7.97	
Điểm xếp hạng tốt nghiệp hệ 4/ GPA in 4 scale:		Xếp hạng tốt nghiệp:/ Degree Classification:		

(*) Các học phần được đào tạo tại trường / Learned at

Quy đổi điểm / Grading Conversion rule		
Điểm hệ 10 / Result in 10 scale	Điểm hệ chữ / Result in letter	Điểm hệ 4 / Result in 4 scale
8.5 - 10	A	4.0
7.0 - 8.4	B	3.0
5.5 - 6.9	C	2.0
4.5 - 5.4	D	1.0

Hà Nội, ngày tháng năm

KT. HIỆU TRƯỞNG / AS MANDATE OF PRESIDENT
PHÓ HIỆU TRƯỞNG / VICE PRESIDENT

GS.TS/Prof.Dr.

Phụ lục 4: Cách ghi nội dung trên Phụ lục bằng Cử nhân

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1109/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

1. Quy định chung:

- (1) Phụ lục bằng Cử nhân (hay còn gọi là Bảng điểm) in trên 02 trang của 01 tờ giấy khổ A4 (21,0cm x29,70cm) màu vàng nhạt; sử dụng phông chữ Unicode: Times New Roman; được đánh số trang ở giữa, phía dưới: 1 / 2 và 2 / 2.
- (2) Bảng điểm có nội dung bằng song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh.
- (3) Dòng 1: '**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO / MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING**' là chữ in hoa, kiểu chữ đứng, cỡ chữ 12 với tiếng Việt và cỡ chữ 10 với tiếng Anh màu xanh.
- (4) Dòng 2: '**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN / NATIONAL ECONOMICS UNIVERSITY**' là chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm cỡ, cỡ chữ 12 với tiếng Việt và cỡ chữ 10 với tiếng Anh màu xanh
- (5) Dòng 3: '**BẢNG ĐIỂM**' là chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 18 màu xanh
- (6) Dòng 4: '**ACADEMIC TRANSCRIPT**' là chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 14 màu xanh.
- (7) Dòng 1, 2, 3, 4 được in sẵn trên phôi phụ lục bằng Cử nhân chữ màu xanh.

2. Quy định cụ thể:

- (1) Họ và tên/ Fullname: Ghi theo giấy khai sinh, bằng tiếng Việt. Nếu là người nước ngoài ghi họ tên theo theo hộ chiếu. Phía trước họ tên nếu là Nam ghi 'Ông', nếu là Nữ ghi 'Bà', là chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 9.
- (2) Ngày sinh/ Date of birth: Ghi theo giấy khai sinh. Nếu ngày sinh là ngày 1 đến ngày 9, tháng sinh là tháng 1, tháng 2 thì thêm số 0 ở phía trước; ghi năm sinh đủ 04 chữ số (ví dụ 09/02/1999), định dạng 'ngày/tháng/năm', là chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 9.
- (3) Mã sinh viên/ Student No: Ghi mã sinh viên được cấp khi học, chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 9.
- (4) Trình độ đào tạo/ Level of education: 'Cử nhân / Bachelor', chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 9.
- (5) Ngôn ngữ đào tạo/ Language: Ghi theo ngôn ngữ được công bố trong chương trình đào tạo (ví dụ: Tiếng Việt), chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 9.
- (6) Ngành/ Major: Ghi tên ngành đào tạo mà sinh viên được cấp bằng theo học, chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 9.
- (7) Chuyên ngành/ Specialisation: Ghi tên chuyên ngành/chuyên sâu (nếu có) của ngành đào tạo mà sinh viên được cấp bằng theo học, chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 9.


- (8) Số hiệu văn bằng/ Reg. No: Ghi theo số hiệu Bằng tốt nghiệp sinh viên được cấp, chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 9.
- (9) Ngày nhập học/ Enrollment Date: Ghi theo ngày ký quyết định trúng tuyển, nhập học của sinh viên, định dạng 'ngày/tháng/năm', chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 9.
- (10) Ngày tốt nghiệp/ Graduation Date: Ghi theo ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên; định dạng 'ngày/tháng/năm', chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 9.
- (11) Hình thức đào tạo/ Student type: Ghi theo hình thức đào tạo sinh viên được cấp bằng tốt nghiệp, chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 9.

....

Ký hiệu (*) đánh dấu vào bên phải học phần/số tín chỉ/điểm hệ 10/điểm hệ chữ của các học phần sinh viên tích lũy từ cơ sở đào tạo khác; Các chữ in tại phần Quy định cụ thể có màu đen.

Phụ lục 5: MẪU BẰNG THẠC SĨ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1109/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

Trang 4		Trang 1 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  Quốc huy BẰNG THẠC SĨ
Trang 2	Trang 3	
26cm	18cm	26cm
18cm	18cm	18cm

The diagram shows a four-page certificate template. The top row consists of Page 4 (left) and Page 1 (right). Page 1 contains the national emblem and the text 'BẰNG THẠC SĨ'. The bottom row consists of Page 2 (left) and Page 3 (right). Page 2 contains the text 'THE DEGREE OF MASTER' and 'NATIONAL ECONOMICS UNIVERSITY'. Page 3 contains the text 'HIỆU TRƯỞNG' and 'TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN'. Dimensions are indicated: 26cm height for the top and bottom sections, and 18cm width for the middle sections.

Phụ lục 6: Cách ghi nội dung trên bằng Thạc sĩ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1109/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

(1) Ghi tên ngành đào tạo mà người được cấp bằng đã theo học bằng tiếng Việt. Sử dụng phông chữ Unicode: Times New Roman, cỡ chữ 20, loại chữ in hoa, kiểu chữ đứng đậm.

(2) Ghi rõ họ tên của người học, theo giấy khai sinh. Phía trước họ tên, nếu là Nam ghi “Ông”, nếu là Nữ ghi “Bà”. Sử dụng phông chữ Unicode: Times New Roman, cỡ chữ 22, loại chữ in thường, kiểu chữ đứng đậm.

(3) Ghi ngày, tháng, năm sinh theo giấy khai sinh. Nếu ngày sinh là ngày 1 đến ngày 9, tháng sinh là tháng 1, tháng 2 thì thêm số 0 ở trước; ghi năm sinh đầy đủ 04 chữ số (Ví dụ: 09/02/1999). Sử dụng phông chữ Unicode: Times New Roman, cỡ chữ 15, loại chữ in thường, kiểu chữ đứng.

(4) Ghi ngày, tháng, năm cấp văn bằng. Sử dụng phông chữ Unicode: Times New Roman, cỡ chữ 13, loại chữ in thường, kiểu chữ nghiêng.

(5) Hiệu trưởng ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu theo quy định. Sử dụng phông chữ Unicode: Times New Roman, cỡ chữ 13, loại chữ in thường, kiểu chữ đứng đậm. Riêng chữ Hiệu trưởng sử dụng chữ in hoa.

(6) Số vào sổ cấp bằng: là số do đơn vị đào tạo ghi vào vào sổ gốc cấp bằng Thạc sĩ. Sử dụng phông chữ Unicode: Times New Roman, cỡ chữ 12, loại chữ in thường, kiểu chữ đứng.

(7) Ghi tên ngành đào tạo bằng tiếng Anh mà người được cấp bằng đã theo học. Sử dụng phông chữ, cỡ chữ, loại chữ, kiểu chữ như mục 1.

(8) Ghi họ tên của người học như đã ghi ở mục (2) bằng tiếng Việt nhưng không có dấu. Phía trước họ tên, nếu là Nam ghi “Mr”, nếu là Nữ ghi “Ms” hoặc “Mrs”. Sử dụng phông chữ, cỡ chữ, loại chữ, kiểu chữ như mục 2.

(9) Ghi ngày và năm bằng số, ghi tháng bằng chữ tiếng Anh. Nếu ngày sinh là ngày 1 đến 9 thì thêm số 0 ở trước, ghi năm sinh đầy đủ 04 chữ số (Ví dụ: February 09, 1999). Sử dụng phông chữ, cỡ chữ, loại chữ, kiểu chữ như mục 3.

(10) Số hiệu: là số do đơn vị in phôi văn bằng đóng số khi cấp phôi.

Ghi chú: Nếu người được cấp văn bằng là người nước ngoài thì ghi các thông tin tại mục (2),(3),(8),(9) ghi theo hộ chiếu.

Phụ lục 7: Mẫu Phụ lục bằng Thạc sĩ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1109/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)*

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**



**BẢNG ĐIỂM
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO/MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN/NATIONAL ECONOMICS UNIVERSITY**

**BẢNG ĐIỂM
ACADEMIC TRANSCRIPT**

Họ tên/Fullname:
 Sinh ngày/Date of birth:
 Trình độ đào tạo/ Level of education: **Thạc sĩ/Master**
 Ngành/Major: **Quản trị kinh doanh/ Business Administration**
 Chuyên ngành/Specialisation: **QTKD quốc tế / International Business Administration**

Mã học viên/Student ID:
 Hình thức đào tạo/Student type: **Chính quy (Full time)**
 Ngôn ngữ đào tạo/Language: **Tiếng Việt/Vietnamese**
 Ngày nhập học/Enrollment Date:
 Ngày tốt nghiệp/Graduation Date:
 Số hiệu văn bằng/Reg.No:

STT No	Học phần / Course title	Số tín chỉ/ Credit	Điểm / Grade	
1	Triết học/Philosophy	3	8,0	B
2	PPNC và thực hiện luận văn thạc sĩ/Methods of economic research and master thesis writing	2	7,4	B
3	Pháp luật kinh doanh/Business law	2	8,3	B
4	Quản trị học nâng cao/Advanced management	2	8,0	B
5	Quản trị chiến lược/Strategic management	3	7,4	B
6	Lãnh đạo trong tổ chức/Leadership	3	7,7	B
7	QTKD thương mại dịch vụ/Trade in service management	2	8,2	B
8	Quản lý dự án/Project management	2	9,0	A
9	Quản trị nhân lực/Human resource management	2	8,6	A
10	Quản trị tài chính doanh nghiệp/Financial management	2	7,8	B
11	Quản trị quan hệ khách hàng/Customer relationship management	2	7,8	B
12	Môi trường kinh tế toàn cầu đối với doanh nghiệp / Global economics environment with enterprises	3	7,8	B
13	Quản trị quốc tế/International management	3	7,8	B
14	Quản trị toàn cầu các yếu tố đầu vào/Global management of input factors	2	8,6	A
15	Quản trị đầu tư quốc tế của các doanh nghiệp Việt Nam/Foreign investment management of Vietnamese firm	2	7,5	B
16	Luận văn thạc sĩ/ Master's thesis: Tên đề tài/ Thesis title:	10	9,8	A
Tổng số tín chỉ /Total credits		45	GPA: 7,96	

Quy đổi điểm / Grading conversion rule	
Điểm hệ 10/ Result in 10 scale	Điểm hệ chữ/ Result in letter
8,5 - 10	A
7,0 - 8,4	B
5,5 - 6,9	C
4,5 - 5,4	D

Hà Nội, ngày/date tháng/month năm/year
KT. HIỆU TRƯỞNG/ AS MANDATE OF PRESIDENT
PHÓ HIỆU TRƯỞNG/VICE PRESIDENT

GS.TS/Prof.Dr.

Phụ lục 8: Cách ghi nội dung trên Phụ lục bằng Thạc sĩ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1109/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)*

1. Quy định chung:

- (1) Phụ lục bằng Thạc sĩ (hay còn gọi là Bảng điểm) gồm 02 trang của 01 tờ giấy khổ A4 (21,0cm x29,70cm) màu vàng nhạt. Trang 1 là tiêu đề, trang 2 là nội dung. Bảng điểm sử dụng phông chữ Unicode: Times New Roman.
- (2) Bảng điểm có nội dung bằng song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh.
- (3) Dòng 1 trang 1: '**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**' là chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 15, màu xanh.
- (4) Dòng 2 trang 1: '**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**' là chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 15, màu xanh.
- (5) Dòng 3 trang 1: '**BẢNG ĐIỂM**' là chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 29 màu xanh.
- (6) Dòng 4 trang 1: '**ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**' là chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 29 màu xanh.
- (7) Dòng 5 trang 1: '**HÀ NỘI**' là chữ in hoa, kiểu chữ đứng, cỡ chữ 15, màu xanh.
- (8) Dòng 1, 2, 3, 4, 5 trang 1 được in sẵn trên phôi phụ lục bằng Thạc sĩ chữ màu xanh.
- (9) Trang 2 dòng 1, 2, có ngôn ngữ Tiếng Anh tương ứng, kiểu chữ tương ứng, cỡ chữ 12. Riêng dòng 3 là chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 14 màu xanh.

2. Quy định cụ thể:

- (1) Họ và tên/ Fullname: Ghi theo giấy khai sinh, bằng tiếng Việt. Nếu là người nước ngoài ghi họ tên theo theo hộ chiếu. Phía trước họ tên nếu là Nam ghi 'Ông', nếu là Nữ ghi 'Bà', là chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 10 hoặc 11.
- (2) Ngày sinh/ Date of birth: Ghi theo giấy khai sinh. Nếu ngày sinh là ngày 1 đến ngày 9, tháng sinh là tháng 1, tháng 2 thì thêm số 0 ở phía trước; ghi năm sinh đủ 04 chữ số (ví dụ 09/02/1999), định dạng 'ngày/tháng/năm', là chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 10 hoặc 11.
- (3) Mã học viên/ Student ID: Ghi mã học viên được cấp khi học, chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 10 hoặc 11.
- (4) Trình độ đào tạo/ Level of education: 'Thạc sĩ / Master', chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 10 hoặc 11.
- (5) Ngôn ngữ đào tạo/ Language: Ghi theo ngôn ngữ được công bố trong chương trình đào tạo (ví dụ: Tiếng Việt), chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 10 hoặc 11.


- (6) Ngành/ Major: Ghi tên ngành đào tạo mà học viên được cấp bằng theo học, chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 10 hoặc 11.
- (7) Chuyên ngành/ Specialisation: Ghi tên chuyên ngành/chuyên sâu (nếu có) của ngành đào tạo mà học viên được cấp bằng theo học, chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 10 hoặc 11.
- (8) Số hiệu văn bằng/ Reg.No: Ghi theo số hiệu Bằng Thạc sĩ học viên được cấp, chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 10 hoặc 11.
- (9) Ngày nhập học/ Enrollment Date: Ghi theo ngày ký quyết định trúng tuyển, nhập học của học viên, định dạng 'ngày/tháng/năm', chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 10 hoặc 11.
- (10) Ngày tốt nghiệp/ Graduation Date: Ghi theo ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho học viên; định dạng 'ngày/tháng/năm', chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 10 hoặc 11.
- (11) Hình thức đào tạo/ Student type: Ghi theo hình thức đào tạo học viên được cấp quyết định công nhận học vị thạc sĩ, chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 10 hoặc 11.

....

Các chữ in tại phần Quy định cụ thể có màu đen.

Phụ lục 9: MẪU BẰNG TIẾN SĨ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1109/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

Trang 4	Trang 1
	<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <p style="text-align: center;"></p> <p style="text-align: center;">BẰNG TIẾN SĨ</p>
21cm	
Trang 2	Trang 3
<p>THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Independence - Freedom - Happiness</p> <p style="text-align: center;">THE PRESIDENT OF NATIONAL ECONOMICS UNIVERSITY</p> <p style="text-align: center;">confers</p> <p style="text-align: center;">THE DEGREE OF DOCTOR OF PHILOSOPHY⁽⁷⁾</p> <p>Upon: ⁽⁸⁾</p> <p>Date of birth: ⁽⁹⁾</p> <p style="text-align: center;">Given under the seal of NATIONAL ECONOMICS UNIVERSITY</p> <p>Reg. No: ⁽⁶⁾ No: ⁽¹⁰⁾</p>	<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <p style="text-align: center;">HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN</p> <p style="text-align: center;">Cấp BẰNG TIẾN SĨ⁽¹⁾</p> <p>Cho: ⁽²⁾</p> <p>Ngày sinh: ⁽³⁾</p> <p style="text-align: center;">Hà Nội, ngày ... tháng ... năm⁽⁴⁾ HIỆU TRƯỞNG⁽⁵⁾</p> <p>Số vào sổ gốc cấp bằng: ⁽⁶⁾</p>
21cm	

Phụ lục 10: Cách ghi nội dung trên bằng Tiến sĩ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1109/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

(1) Ghi tên ngành đào tạo mà người được cấp bằng đã theo học bằng tiếng Việt. Sử dụng phông chữ Unicode: Times New Roman, cỡ chữ 16, loại chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm.

(2) Ghi rõ họ tên của người học, theo giấy khai sinh. Phía trước họ tên, nếu là Nam ghi “Ông”, nếu là Nữ ghi “Bà”. Sử dụng phông chữ Unicode: Times New Roman, cỡ chữ 14, loại chữ in thường, kiểu chữ đứng đậm.

(3) Ghi ngày, tháng, năm sinh theo giấy khai sinh. Nếu ngày sinh là ngày 1 đến ngày 9, tháng sinh là tháng 1, tháng 2 thì thêm số 0 ở trước; ghi năm sinh đầy đủ 04 chữ số (Ví dụ: 09/02/1999). Sử dụng phông chữ Unicode: Times New Roman, cỡ chữ 14, loại chữ in thường, kiểu chữ đứng.

(4) Ghi ngày, tháng, năm cấp văn bằng. Sử dụng phông chữ Unicode: Times New Roman, cỡ chữ 13, loại chữ in thường, kiểu chữ nghiêng.

(5) Hiệu trưởng ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu theo quy định. Sử dụng phông chữ Unicode: Times New Roman, cỡ chữ 13, loại chữ in thường, kiểu chữ đứng đậm. Riêng chữ Hiệu trưởng sử dụng chữ in hoa.

(6) Số vào sổ cấp bằng: là số do đơn vị đào tạo ghi vào vào sổ gốc cấp bằng Tiến sĩ. Sử dụng phông chữ Unicode: Times New Roman, cỡ chữ 12, loại chữ in thường, kiểu chữ đứng.

(7) Ghi tên ngành đào tạo bằng tiếng Anh mà người được cấp bằng đã theo học. Sử dụng phông chữ, cỡ chữ, loại chữ, kiểu chữ như mục 1.

(8) Ghi họ tên của người học như đã ghi ở mục (2) bằng tiếng Việt nhưng không có dấu. Phía trước họ tên, nếu là Nam ghi “Mr”, nếu là Nữ ghi “Ms” hoặc “Mrs”. Sử dụng phông chữ, cỡ chữ, loại chữ, kiểu chữ như mục 2.

(9) Ghi ngày và năm bằng số, ghi tháng bằng chữ tiếng Anh. Nếu ngày sinh là ngày 1 đến 9 thì thêm số 0 ở trước, ghi năm sinh đầy đủ 04 chữ số (Ví dụ: February 09, 1999). Sử dụng phông chữ, cỡ chữ, loại chữ, kiểu chữ như mục 3.

(10) Số hiệu: là số do đơn vị in phôi văn bằng đóng số khi cấp phôi.

Ghi chú: Nếu người được cấp văn bằng là người nước ngoài thì ghi các thông tin tại mục (2),(3),(8),(9) ghi theo hộ chiếu.

Phụ lục 11: Mẫu Phụ lục bằng Tiến sĩ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1109/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)*

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**



**BẢNG ĐIỂM
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**

HÀ NỘI

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO/MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN/NATIONAL ECONOMICS UNIVERSITY**

**BẢNG ĐIỂM
ACADEMIC TRANSCRIPT**

Họ tên/Fullname: Mã NCS/Ph.D. Candidate No:
 Sinh ngày/Date of birth: Hình thức đào tạo/Student type: **Chính quy/Full time**
 Trình độ đào tạo/Level of education: **Tiến sĩ/ Doctor of Philosophy** Ngôn ngữ đào tạo/Language: **Tiếng Việt/Vietnamese**
 Ngành/Major: Ngày nhập học/Enrollment date:
 Số hiệu văn bằng /Reg.No.: Ngày tốt nghiệp/Graduation date:

STT/ No	Học phần / Course title	Số tín chỉ/ Credit	Điểm/ Grade
I. Các học phần bổ sung / Complementary courses			
1	Tài chính công / Public Finance	2	7,0
2	Tài chính doanh nghiệp / Corporate Finance	2	7,4
3	Ngân hàng thương mại / Commercial Banking	2	7,4
4	Thẩm định tài chính dự án / Financial Appraisal of Projects	2	9,0
II. Các học phần ở trình độ tiến sĩ / Doctoral-level courses			
1	Tổng quan về nghiên cứu khoa học và phương pháp viết luận án / Overview of research and methods of writing the PhD dissertation	2	8,3
2	Các chuyên đề về những công cụ chủ yếu trong nghiên cứu khoa học lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý / Common techniques for research in economics, business and management	3	8,8
3	Các chuyên đề kinh tế - xã hội cần quan tâm / Socio-economic seminars	3	8,8
4	Lý thuyết chuyên ngành nâng cao / Advanced specialised theories	3	8,3
5	Tiểu luận tổng quan nghiên cứu / Literature review	2	8,3
6	Chuyên đề 1 / Research report No. 1: Recent development in literature on Exchange - Traded funds tracking Vietnam stock market	2	9,5
7	Chuyên đề 2 / Research report No. 2: Liquidity effects on underlying assets after the introduction of Exchange - Traded funds tracking Vietnam stock market	2	9,0
8	Chuyên đề 3 / Research report No. 3: The tracking errors and tracking errors persistence of Exchange - Traded funds tracking Vietnam stock market	2	9,5
III. Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ / Research and Ph.D. dissertation			
Đề tài luận án / PhD dissertation title:		71	Đạt / Pass
Tổng tín chỉ / Total credits		98	

Hà Nội, ngày/date ... tháng/month ... năm/year
**KT. HIỆU TRƯỞNG/AS MANDATE OF PRESIDENT
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG/VICE PRESIDENT**

GS.TS/Prof.Dr.

Phụ lục 12: Cách ghi nội dung trên Phụ lục bằng Tiến sĩ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1109/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

1. Quy định chung:

- (1) Phụ lục bằng Tiến sĩ (hay còn gọi là Bảng điểm) gồm 02 trang của 01 tờ giấy khổ A4 (21,0cm x29,70cm) màu vàng nhạt. Trang 1 là tiêu đề, trang 2 là nội dung. Bảng điểm sử dụng phông chữ Unicode: Times New Roman.
- (2) Bảng điểm có nội dung bằng song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh.
- (3) Dòng 1 trang 1: '**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**' là chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 15, màu xanh.
- (4) Dòng 2 trang 1: '**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**' là chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 15, màu xanh.
- (5) Dòng 3 trang 1: '**BẢNG ĐIỂM**' là chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 29 màu xanh.
- (6) Dòng 4 trang 1: '**ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**' là chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 29 màu xanh.
- (7) Dòng 5 trang 1: '**HÀ NỘI**' là chữ in hoa, kiểu chữ đứng, cỡ chữ 15, màu xanh.
- (8) Dòng 1, 2, 3, 4, 5 trang 1 được in sẵn trên phôi phụ lục bằng Tiến sĩ chữ màu xanh.
- (9) Trang 2 dòng 1, 2 có ngôn ngữ Tiếng Anh tương ứng, kiểu chữ, cỡ chữ tương ứng. Riêng dòng 3 là chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 14 màu xanh.

2. Quy định cụ thể:

- (1) Họ và tên/ Fullname: Ghi theo giấy khai sinh, bằng tiếng Việt. Nếu là người nước ngoài ghi họ tên theo theo hộ chiếu. Phía trước họ tên nếu là Nam ghi 'Ông', nếu là Nữ ghi 'Bà', là chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 11.
- (2) Ngày sinh/ Date of birth: Ghi theo giấy khai sinh. Nếu ngày sinh là ngày 1 đến ngày 9, tháng sinh là tháng 1, tháng 2 thì thêm số 0 ở phía trước; ghi năm sinh đủ 04 chữ số (ví dụ 09/02/1999), định dạng 'ngày/tháng/năm', là chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 10 hoặc 11.
- (3) Mã NCS/ PhD. Candidate No: Ghi mã nghiên cứu sinh được cấp khi học, chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 10 hoặc 11.
- (4) Trình độ đào tạo/ Level of education: 'Tiến sĩ / Doctor of Philosophy', chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 10 hoặc 11.
- (5) Ngôn ngữ đào tạo/ Language: Ghi theo ngôn ngữ được công bố trong chương trình đào tạo (ví dụ: Tiếng Việt), chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 10 hoặc 11.
- (6) Ngành/ Major: Ghi tên ngành đào tạo mà nghiên cứu sinh được cấp bằng theo học, chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 10 hoặc 11.

- (7) Số hiệu văn bằng/ Reg.No: Ghi theo số hiệu Bằng Tiến sĩ nghiên cứu sinh được cấp, chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 10 hoặc 11.
- (8) Ngày nhập học/ Enrollment Date: Ghi theo ngày ký quyết định trúng tuyển, nhập học của nghiên cứu sinh, định dạng 'ngày/tháng/năm', chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 10 hoặc 11.
- (9) Ngày tốt nghiệp/ Graduation Date: Ghi theo ngày ký quyết định công nhận học vị tiến sĩ cho nghiên cứu sinh; định dạng 'ngày/tháng/năm', chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 10 hoặc 11.
- (10) Hình thức đào tạo/ Student type: Ghi theo hình thức đào tạo học viên được cấp bằng tốt nghiệp, chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 10 hoặc 11.

....

Các chữ in tại phần Quy định cụ thể có màu đen.

Phụ lục 13: MẪU CHỨNG CHỈ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1109/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

Trang 1

14,5 cm

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

QUỐC HUY

CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

21 cm

Trang 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Cấp cho:⁽¹⁾.....

Sinh ngày:⁽²⁾..... Nơi sinh:⁽²⁾.....

Đạt yêu cầu bài thi ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản tại Hội đồng thi:
⁽³⁾.....

Kết quả:⁽⁴⁾ Điểm trắc nghiệm: Điểm thực hành:

Hà Nội, ngày... tháng... năm ...⁽⁵⁾
.....⁽⁶⁾

Số hiệu:⁽⁷⁾

Số vào sổ cấp chứng chỉ: ⁽⁸⁾.....

Phụ lục 14: Cách ghi nội dung trên Chứng chỉ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1109/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

(1) Ghi rõ họ tên của người học, theo giấy khai sinh. Phía trước họ tên, nếu là Nam ghi “Ông”, nếu là Nữ ghi “Bà”. Sử dụng phông chữ Unicode: Times New Roman, cỡ chữ 14, loại chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm.

(2) Ghi ngày, tháng, năm sinh, nơi sinh theo giấy khai sinh. Nếu ngày sinh là ngày 1 đến ngày 9, tháng sinh là tháng 1, tháng 2 thì thêm số 0 ở trước; ghi năm sinh đầy đủ 04 chữ số (Ví dụ: 09/02/1999). Sử dụng phông chữ Unicode: Times New Roman, cỡ chữ 14, loại chữ in hoa, kiểu chữ đứng.

(3) Ghi thông tin hội đồng thi. Sử dụng phông chữ Unicode: Times New Roman, cỡ chữ 14, loại chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm.

(4) Ghi kết quả đạt được: Điểm trắc nghiệm và điểm thực hành. Sử dụng phông chữ Unicode: Times New Roman, cỡ chữ 14, loại chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm.

(5) Ghi ngày, tháng, năm cấp chứng chỉ. Sử dụng phông chữ Unicode: Times New Roman, cỡ chữ 13, loại chữ in hoa, kiểu chữ nghiêng.

(6) Hiệu trưởng ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu theo quy định. Sử dụng phông chữ Unicode: Times New Roman, cỡ chữ 13, loại chữ in thường, kiểu chữ đứng đậm. Riêng chữ Hiệu trưởng sử dụng chữ in hoa.

(7) Số hiệu: là số do đơn vị in phôi chứng chỉ đóng số khi cấp phôi.

(8) Số vào sổ cấp chứng chỉ: là số do các đơn vị đào tạo cấp chứng chỉ ghi vào sổ góc cấp chứng chỉ. Sử dụng phông chữ Unicode: Times New Roman, cỡ chữ 12, loại chữ in thường, kiểu chữ đứng. VD: CNTT/2020/CNTTCB.1/1234

Các chữ in tại phần (1), (2), (3), (4), (5), (8) và phần họ tên của người ký có màu đen.

Phụ lục 15: MẪU CHỨNG CHỈ KHÁC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1109/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

Trang 1



Trang 2

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHỨNG CHỈ
(TÊN LOẠI...)**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Cấp cho:⁽¹⁾.....

Sinh ngày:⁽²⁾..... Nơi sinh:⁽²⁾.....

⁽³⁾.....

⁽³⁾.....

Kết quả:⁽⁴⁾.....

Hà Nội, ngày... tháng... năm ...⁽⁵⁾
.....⁽⁶⁾

Số hiệu:⁽⁷⁾
Số vào sổ cấp chứng chỉ: ⁽⁸⁾.....

Phụ lục 16: Cách ghi nội dung trên Chứng chỉ khác

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1109/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

(1) Ghi rõ họ tên của người học, theo giấy khai sinh. Phía trước họ tên, nếu là Nam ghi “Ông”, nếu là Nữ ghi “Bà”. Sử dụng phông chữ Unicode: Times New Roman, cỡ chữ 14, loại chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm.

(2) Ghi ngày, tháng, năm sinh, nơi sinh theo giấy khai sinh. Nếu ngày sinh là ngày 1 đến ngày 9, tháng sinh là tháng 1, tháng 2 thì thêm số 0 ở trước; ghi năm sinh đầy đủ 04 chữ số (Ví dụ: 09/02/1999). Sử dụng phông chữ Unicode: Times New Roman, cỡ chữ 14, loại chữ in hoa, kiểu chữ đứng.

(3) Ghi nội dung chứng chỉ được cấp. Sử dụng phông chữ Unicode: Times New Roman, cỡ chữ 14, loại chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm.

(4) Ghi kết quả đạt được. Sử dụng phông chữ Unicode: Times New Roman, cỡ chữ 14, loại chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm.

(5) Ghi ngày, tháng, năm cấp chứng chỉ. Sử dụng phông chữ Unicode: Times New Roman, cỡ chữ 13, loại chữ in hoa, kiểu chữ nghiêng.

(6) Hiệu trưởng ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu theo quy định. Sử dụng phông chữ Unicode: Times New Roman, cỡ chữ 13, loại chữ in thường, kiểu chữ đứng đậm. Riêng chữ Hiệu trưởng sử dụng chữ in hoa.

(7) Số hiệu: là số do đơn vị in phôi chứng chỉ đóng số khi cấp phôi.

(8) Số vào sổ cấp chứng chỉ: là số do các đơn vị đào tạo cấp chứng chỉ ghi vào sổ gốc cấp chứng chỉ. Sử dụng phông chữ Unicode: Times New Roman, cỡ chữ 12, loại chữ in thường, kiểu chữ đứng. VD: ĐTLT/2020/KTT.1/1234

Các chữ in tại phần (1), (2), (3), (4), (5), (8) và phần họ tên của người ký có màu đen.